

Bản án số: **105/2025/HC-PT**

Ngày: 24-01-2025

V/v: “*kiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Tồn**

Các Thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm**

ông **Nguyễn Tấn Long**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** ông **Nguyễn Thế Vinh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 258/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 10 năm 2024 về “*Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định hành chính trong quản lý đất đai*”,

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 306/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông **Nguyễn Tiến L**, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: **Thôn K, xã T, thành Phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**. có mặt

- Người bị kiện: **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q**.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Đức T** - Quyền Giám đốc Sở. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **A H, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện. Ông **Trần Trung C** - Phó Giám đốc **Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: **E P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi**.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc L1 - Chủ tịch UBND xã T.
Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Ông Đặng Ngọc T1, sinh năm: 1963;

3. Bà Nguyễn Thị Kim C1;

4. Ông Đặng Văn L2;

5. Ông Đặng Văn L3;

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, thành Phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Đều vắng mặt
Người kháng cáo người khởi kiện ông Nguyễn Tiến L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: Thửa 67 và thửa 75, tờ bản đồ số 10, trước đây là một thửa đất được Hội đồng 64 cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn Tiến L. Ông L sản xuất ổn định trên thửa đất này từ vụ Đông - Xuân năm 1997 - 1998 đến ngày 18/10/2022. Lúc mới được cấp ông dùng một ít để trồng lang nuôi heo (nay là thửa 67, tờ bản đồ số 10), số còn lại ông tĩa bắp và các loại hoa màu khác (nay là thửa 75, tờ bản đồ số 10), đến khi đoàn đo đạc xác định lại diện tích để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì căn cứ vào cây trồng do gia đình ông đang canh tác chia mảnh đất của ông thành 02 thửa, thửa ông tĩa bắp và làm hoa màu cấp cho hộ gia đình ông, thửa ông trồng lang cấp cho ông Đặng Ngọc T1 là người có diện tích đất liền kề.

Đến năm 2017, khi làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đoàn đo đạc căn cứ vào cây hoa màu do ông trồng vào năm 2017 để xác định diện tích đất của ông và làm thủ tục ký giáp ranh với những hộ lân cận (diện tích khoảng 390m²). Đến năm 2018 lúc nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông chỉ thấy diện tích ông được cấp là 240m².

Mãi đến năm 2020 - 2021, ông có báo cáo lý do tại sao khi ký giáp ranh thửa đất của ông diện tích là 390m² mà sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ có 240m² với tổ Hội đồng nhân dân xã T khi đến tiếp dân tại thôn K. Sau đó được ông Đỗ Thanh Đ – là cán bộ tổ Hội đồng trả lời là ông phải đến địa chính xã để được hướng dẫn giải quyết. Sau đó ông có đến địa chính xã T thì địa chính xã báo cho ông: Thửa đất của ông đã chia làm 02 thửa, thửa đất cấp cho ông là thửa 75 diện tích 240m², thửa còn lại là thửa 67 đã cấp cho ông Đặng Ngọc T1. Sau đó ông có nhiều lần đến địa chính xã T và được Cán bộ địa chính xã giải thích nếu ông có đơn thì ông cũng không giải quyết được. Cán bộ địa chính xã T giải thích là hộ ông T1 có 05 khẩu, cân đối diện tích như trên là đúng. Nhưng thực tế hộ ông T1 chỉ có 04 khẩu, nhưng không biết vì lý do gì lại tăng hộ ông Đặng Ngọc T1 lên 05 khẩu, rồi cấp một phần diện tích của gia đình ông cho ông Đặng Ngọc T1.

Năm 2022, ông **Đặng Ngọc T1** lại gửi đơn đến địa chính xã T yêu cầu gia đình ông giao lại thửa đất 67 cho ông T1. Sau nhiều lần hòa giải không thành, đến ngày 18/10/2022 thì Cán bộ địa chính xã T và Tư pháp xã T có đến hiện trường cắm mốc, xác định ranh giới của thửa đất 67 và yêu cầu gia đình ông ngừng sản xuất trên mảnh đất này.

Vào tháng 12/2022, ông có gửi đơn đến Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi để giải quyết, sau một thời gian Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi trả lại đơn và hướng dẫn ông gửi đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Đến tháng 01/2023, ông **Đặng Ngọc T1** lại bắt đầu tiến hành canh tác trên thửa đất 67, tờ bản đồ số 10 mà ông đang yêu cầu các cấp giải quyết, ông đã nhiều lần cản trở nhưng đều bất thành. Ông có làm đơn gửi cho UBND xã T nhưng mãi đến nay vẫn không được giải quyết.

Đến tháng 03/2023 ông tiếp tục làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 67, tờ bản đồ số 10 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 30/12/2017 cho hộ ông **Đặng Ngọc T1**.

Do đó, nay ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL505552, số vào sổ GCN CS08679 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho hộ ông **Đặng Ngọc T1** tại thửa đất 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152m², xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Tại Văn bản số 706/STNMT-VPĐKĐ ngày 05/02/2024, người bị kiện Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q trình bày:

Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho hộ ông **Đặng Ngọc T1**:

Ngày 26/8/1999, hộ ông **Đặng Ngọc T1** đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00150, thửa đất số 1527, tờ bản đồ số 07, diện tích 140,0m², loại đất ĐRM, bản đồ năm 1996, xã T.

Ngày 12/5/2017, hộ ông **Đặng Ngọc T1** có đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1527, tờ bản đồ số 07 theo dự án đo đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông **Đặng Ngọc T1**, số vào sổ CS 08679, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152,1m², loại đất BHK, xã T, thành phố Q.

Đồng thời, qua kiểm tra hồ sơ hiện đang lưu trữ tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh, Chi nhánh thành phố Q, ngày 26/8/1999, hộ ông **Nguyễn Tiên L** được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ 00143, thửa đất số 1526, tờ bản đồ số 07, diện tích 240m², loại đất ĐRM, bản đồ năm 1996, xã T.

Ngày 12/5/2017, hộ ông **Nguyễn Tiên L** có đơn đề nghị cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 1526, tờ bản đồ số 07 theo dự án đo

đạc 20 xã, phường và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tiến L, số vào sổ CS 05254, cấp ngày 30/12/2017, thửa đất số 75, tờ bản đồ số 10, diện tích 240m² (BHK), xã T, thành phố Q.

Sở T tỉnh cấp đổi giấy chứng nhận cho hộ ông Đặng Ngọc T1 vào năm 2017 là thực hiện trên cơ sở giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện S cấp năm 1999.

Về trình tự, thủ tục thực hiện cấp đổi cho hộ ông Đặng Ngọc T1 là đảm bảo theo quy định của pháp luật, đúng vị trí và đúng đối tượng sử dụng đất. Do đó, việc ông Nguyễn Tiến L yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở T tỉnh cấp cho hộ ông Đặng Ngọc T1 tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 10, xã T là không có cơ sở.

*Tại Văn bản số 112/UBND ngày 12/4/2024, văn bản số 116/UBND ngày 12/4/2024, văn bản số 173/UBND ngày 06/5/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:

Nguồn gốc của thửa đất 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152m² (theo bản đồ đo đạc năm 2016) là được UBND xã cân đối định xuất theo Nghị định 64/CP cho gia đình ông Đặng Ngọc T1 từ năm 1996 và được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/8/1999, gồm có 8 thửa đất: trong đó; có thửa đất số 1527, tờ bản đồ số 7, diện tích 140m² (bản đồ năm 1996), nay là thửa đất 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152m². Đến năm 2016 thực hiện cấp đổi, cấp lại theo dự án VLAP thì ông Đặng Ngọc T1 kê khai và được Sở T tỉnh cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 08679, ký ngày 30/12/2017, thuộc thửa đất 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152m².

Hiện nay thửa đất này do ông Đặng Ngọc T1 quản lý, sử dụng và trồng cây ngô. UBND xã yêu cầu ông Nguyễn Tiến L thống nhất theo tinh thần biên bản hòa giải của UBND xã vào ngày 13/10/2022 là trả lại thửa đất trên cho ông Đặng Ngọc T1 sử dụng và canh tác tiếp theo.

Đối với việc cân đối giao đất theo Nghị định 64/CP tại xã: Việc cân đối giao đất cho hộ ông Đặng Ngọc T1, hộ ông Nguyễn Tiến L theo Nghị định 64/CP, như sau:

- Hộ ông Đặng Ngọc T1, tổng diện tích đất nông nghiệp được cân đối 2.482m², gồm có tổng cộng 08 thửa đất, với 5 nhân khẩu và đã được cân đối đủ định suất cho gia đình ông.

- Hộ ông Nguyễn Tiến L, tổng diện tích đất nông nghiệp được cân đối 3.545m², gồm có tổng cộng 07 thửa đất, với 6 nhân khẩu và đã được cân đối đủ định suất cho gia đình ông.

Thực hiện dự án VLAP đo đạc vào năm 2016 là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q ký hợp đồng với Trung tâm P nay đổi thành Trung tâm phát triển quỹ đất huyện B có trách nhiệm đo đạc, làm thủ tục cấp đổi, cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trực tiếp giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã, khi hết thời gian hợp đồng mà các hộ gia

đình, cá nhân chưa nhận, thì đơn vị có trách nhiệm thống kê, lập danh sách và giao lại sổ giấy còn tồn đọng cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh, chi nhánh thành phố Q tiếp nhận và tiếp tục giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

UBND xã T không được ủy quyền thực hiện thủ tục tổng đạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 67, tờ bản đồ số 10 cho hộ ông Đặng Ngọc T1 và tại thời điểm này ông Nguyễn Tiến L và ông Đặng Ngọc T1 chưa xảy ra việc tranh chấp đất nên không có sự tham gia của ông Nguyễn Tiến L.

Sau khi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đặng Ngọc T1 vào ngày 30/12/2017, tại thửa đất số 67, tờ bản đồ số 10, thì đến ngày 11/7/2022 ông Đặng Ngọc T1 mới phát sinh đơn tranh chấp và được Hội đồng hòa giải của xã hòa giải không thành vào ngày 13/10/2022. Còn thời gian trước và sau ngày hòa giải thì UBND xã không có tiếp nhận bất kỳ đơn nào của ông Nguyễn Tiến L, ông Đặng Ngọc T1.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Đặng Ngọc T1, bà Nguyễn Thị Kim C1, ông Đặng Văn L2, ông Đặng Văn L3 trình bày: Các ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 23/2024/HC-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tiến L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL505552, số vào sổ GCN CS08679 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 30/12/2017 cho hộ ông Đặng Ngọc T1 tại thửa đất 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152m², xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/6/2024 và 17/7/2024 người khởi kiện ông Nguyễn Tiến L có đơn kháng cáo và đơn kháng cáo bổ sung đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Tiến L** giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2024/HC-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Ông **Nguyễn Tiến L** khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL505552, số vào sổ GCN CS08679 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 30/12/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông **Nguyễn Tiến L** thì thấy: Thực hiện Nghị định 64/CP tại xã **T**, thời điểm giao đất, hộ ông **Nguyễn Tiến L** được cân đối 07 thửa đất và hộ ông **Đặng Ngọc T1** được cân đối 08 thửa. Trong 8 thửa đất hộ ông **T1** có thửa đất 1527, tờ bản đồ số 07 theo bản đồ đo vẽ năm 1996. Theo bản đồ đo vẽ năm 2016, thửa đất 1527 biến động thành thửa đất 67 và có ranh giới liền kề với thửa đất 75 của ông **Nguyễn Tiến L**. Như vậy về nguồn gốc thửa đất 67 là thửa đất 1527 do ông **Đặng Ngọc T1** kê khai và thửa đất 75 là thửa đất 1526 do ông **Nguyễn Tiến L** kê khai. Quá trình sử dụng, ông **Nguyễn Tiến L**, ông **Đặng Ngọc T1** đều đăng ký kê khai trong sổ mục kê đúng với diện tích như Nhà nước giao theo Nghị định 64/CP.

[2.2] Ông **Nguyễn Tiến L** cho rằng diện tích thửa đất 67 thuộc thửa đất 75, tờ bản đồ số 10 được UBND xã **T** đã cân đối giao cho hộ gia đình ông. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ địa chính thì ông **Nguyễn Tiến L** không đăng ký kê khai đối với phần diện tích thuộc thửa đất 67, tờ bản đồ số 10 mà người đăng ký kê khai là ông **Đặng Ngọc T1**. Đồng thời, ngày 12/5/2017 khi thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất 75, tờ bản đồ số 10, ông **Nguyễn Tiến L** cũng xác nhận: “sử dụng ổn định, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch. Đủ điều kiện cấp đổi, cấp lại GCNQSD đất và tiếp tục sử dụng đến 1/2068, thống nhất cấp theo diện tích 240m²”. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **L** là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm ông **Nguyễn Tiến L** không có tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của ông **L**.

[3]. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Nguyễn Tiến L** là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Tiên L**. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số: 23/2024/HC-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 105 Luật Đất đai năm 2013; Điều 76 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Tiên L** về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành CL505552, số vào sổ GCN CS08679 do **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q** cấp ngày 30/12/2017 cho hộ ông **Đặng Ngọc T1** tại thửa đất 67, tờ bản đồ số 10, diện tích 152m², xã Tịnh Châu, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông **Nguyễn Tiên L** được miễn

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Phạm Tôn